

SỰ DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII - XVIII: NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN TIẾP XÚC VĂN HÓA

THE INTRODUCTION AND DEVELOPMENT OF BUDDHISM IN SOUTHERN VIETNAM IN
THE SEVENTEENTH AND EIGHTEENTH CENTURY: VIEWED FROM THE PERSPECTIVE
OF CULTURAL EXPOSURE

Trần Xuân Hiệp

Trường Đại học Duy Tân

Email: hiepdhdt@gmail.com

TÓM TẮT

Sự phát triển của kinh tế - xã hội Đàng Trong cùng với những chính sách tốt đẹp đối với Phật giáo của các Chúa Nguyễn đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự du nhập và phát triển của Phật giáo trong thế kỷ XVII - XVIII. Cùng với quá trình đó sự tiếp xúc văn hóa giữa những cư dân bản địa người Việt và người Hoa ngoại nhập từng bước được thực hiện đã tạo nên những nét đặc sắc riêng biệt của Phật giáo Đàng Trong.

Từ khóa: Đàng Trong; Phật giáo; Chúa Nguyễn; người Việt; người Hoa

ABSTRACT

The socio-economic development and good policy on Buddhism of the Nguyen Lords in Southern Vietnam created favorable conditions for the introduction and development of Buddhism in the seventeenth and eighteenth century. Also, the cultural exposure of the Vietnamese and Chinese resident communities contributed significantly to creating distinct features of Buddhism in Southern Vietnam.

Key words: Southern Vietnam; Buddhism; Lord Nguyen; the Vietnamese; the Chinese

Với chính sách hòa hiếu, thân thiện và hướng Phật, các Chúa Nguyễn đã tạo ra động lực thu hút mạnh mẽ lượng cư dân vào Đàng Trong sinh sống và định cư lâu dài, trong đó có một lượng lớn người Hoa. Cũng trong thời gian từ thế kỷ XVII - XVIII, người Việt bản xứ và người Hoa Kiều đã có những trao đổi tiếp xúc quan trọng về văn hóa. Và chính sự tiếp xúc, tiếp biến này đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự du nhập và phát triển của Phật giáo Đàng Trong.

1. Sự tham gia của đội ngũ tăng sư Trung Hoa, Việt Nam và cộng đồng cư dân Việt - Hoa vào quá trình du nhập và phát triển Phật giáo

Sự du nhập và phát triển của Phật giáo vào Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII có sự đóng góp rất lớn công lao của đội ngũ tăng sư, cũng như cư dân người Hoa lẫn người Việt. Trước hết, đội ngũ tăng sư đóng vai trò quan trọng hàng đầu

vào quá trình này. Tuy nhiên, cũng cần phải nói đến chính sách hòa hiếu, thân thiện và hướng Phật của các vị Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho Phật giáo du nhập và phát triển một cách tự nhiên và nhanh chóng. Các Chúa Nguyễn là những người Việt đi tiên phong trong công cuộc mở rộng sức lan tỏa và hộ trì nhiệt tình cho Phật pháp du nhập và phát triển vào Đàng Trong. Cũng do điều đó mà nhiều đời Chúa Nguyễn đã thọ giới quy với đạo hiệu khác nhau như Minh vương Nguyễn Phúc Chu đạo hiệu cư sĩ Huy Long - Thiên Túng Đạo Nhân, Chúa Nguyễn Phúc Trăn - Vân Truyền Đạo Nhân, Nguyễn Vương Phúc Khoát - Từ tế Đạo Nhân...

Phật giáo Đàng Trong trong diễn trình lịch sử đã đi qua nhiều giai đoạn hình thành và hưng khởi khác nhau. Mỗi giai đoạn gắn liền với sự

hung khởi của một tông phái nhất định. Vào thời kỳ đầu, với công lao truyền bá của nhà sư Minh Châu - Hương Hải, Thiền phái Trúc Lâm đã thực sự có chỗ đứng ở Đàng Trong. Hầu hết hoàng tộc chúa Nguyễn và lực lượng quan lại đều thọ giới với Thiền sư Hương Hải. Tuy nhiên, sự hưng thịnh của Tông phái này cũng không được kéo dài vì sự nghi ngờ của chúa Hiền đối với Thiền sư Hương Hải có ý định móc nối với Đàng Ngoài đã làm Chúa xa lánh và bắt giam Thiền sư. Vì thế, sau khi được tha, vào năm 1682, Minh Long - Hương Hải cùng với 50 đệ tử dùng thuyền trốn ra Đàng Ngoài. Phái Trúc Lâm xem như chấm dứt vai trò của mình ở miền Thuận Quảng.

Sức sống của Phật giáo Đàng Trong giai đoạn tiếp theo gắn liền với hai phái Lâm Tế và Tào Động. Một nhà sư Trung Quốc tên là Nguyên Thiệu đã hoàng dương Phật pháp tại Thuận Hóa, được chúa Nguyễn Phúc Trăn sùng kính và bảo hộ. Nhưng tông phái này cũng dần mất đi sự ủng hộ của các Chúa Nguyễn và đánh mất vai trò của mình ở Đàng Trong.

Thiền phái Tào Động tiếp nối với tên tuổi gắn liền với Thiền sư Thích Đại Sán (hiệu Thạch Liêm). Chính chúa Nguyễn Phúc Chu đã thỉnh mời Nhà sư Thạch Liêm và phái đoàn đồ đệ của ông vào Đàng Trong vào năm 1695 và phái Tào Động hưng khởi từ đó. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cố gắng hộ trì tông phái này và cho phép Thạch Liêm mở đại giới đàn tại chùa Thiên Lâm và có đến hơn 1400 tăng sĩ thọ giới. Sách *Đại Nam liệt truyện* chép việc trùng tu chùa Thiên Mụ vào năm 1714 có ghi “... Thời ấy, hòa thượng ở Chiết Tây tên Đại Sán hiệu Thạch Liêm đem thiền đạo đến yến kiến, được Chúa yêu mến, khi ông về nước được Chúa tặng nhiều gổ quý đem xây cất chùa (Trường Thọ), nay vẫn còn di tích...” [1, tr 17]. Chi phái mới Liễu Quán được hình thành với những nét riêng trên cơ sở của sự du nhập và lan tỏa song hành hai Thiền phái Tào Động và Lâm Tế ở Đàng Trong.

Bên cạnh công lao to lớn của những tăng sư, thì chính những cư dân Việt - Hoa trong quá

trình di dân và nhập cư cũng góp phần công sức của mình làm cho Phật giáo phát triển sâu rộng trong đời sống nhân dân Đàng Trong. Đàng Trong - miền đất hứa, là vùng “hội tụ” của lưu dân Đàng ngoài và người Hoa đến đây lập nghiệp, sinh sống. Với chính sách khoan dung, rộng mở thu nạp hầu hết những di dân từ khắp bốn phương về hội tụ, Chúa Nguyễn đã tạo ra sức hút mạnh mẽ của vùng đất mới, nhiều lưu dân đã lựa chọn Đàng Trong như là quê hương thứ hai cho mình. Thông qua lực lượng này, Phật giáo cũng từng bước được du nhập vào Đàng Trong qua những chuyến tàu buôn, những lần hành hương cũng như di dân một cách tự nhiên và thân thiện. Để xây dựng phong hóa, phát triển Phật giáo, Chúa Nguyễn đã dang tay đón các tăng sư, hiền sĩ cũng như lưu dân không phân biệt địa vị xã hội, nguồn gốc xuất phát, miễn là có thực tâm đóng góp xây dựng Đàng Trong giàu mạnh. Trong đó, phải kể đến các đoàn di dân từ Trung Hoa vào những giai đoạn khác nhau, nhất là từ sau chính sách “hải cấm” của nhà Minh không cho phép người Hoa ở nước ngoài trở về Trung Hoa và một bộ phận người Hoa “phản Thanh phục Minh” dưới triều Mãn Thanh không thành, họ đã đến, ở lại Đàng Trong, được chúa Nguyễn chấp nhận cho định cư, sinh sống. Chẳng hạn, vào năm 1679, Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn, Trần An Bình cùng thân quyến và quan binh dưới trướng hơn 3000 người với hơn 50 chiến thuyền xin được vào Đàng Trong định cư lâu dài. Trước đó, năm 1645, Mạc Cửu và Trịnh Hội đã di cư sang Đàng Trong chọn Hà Tiên làm nơi khai hoang, nương thân và cuối cùng thần phục nhà Nguyễn và dâng đất Hà Tiên gia nhập Đàng Trong. Đặc biệt, từ năm 1685 trở đi, số lượng người Hoa đến Đàng Trong ngày càng tăng (khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn hoàn toàn chấm dứt), các cộng đồng của người Hoa hình thành và định cư những nơi khác nhau như Minh Hương xã, Thanh Hà phố ở Thuận Hóa, Hội An, Trấn Biên, Phiên Trấn và đất Hà Tiên. Trong quá trình di chuyển của mình, người Hoa luôn mang trong mình tâm linh cầu mong sự bình an, đạo Phật

cũng được họ tôn sùng và mang theo cùng những chuyên đi, nhất là những thương nhân (Phật A Di Đà cứu vớt những người đi biển, Quan Thế Âm giúp mưu thuận gió hòa...) để phù hộ cho công việc làm ăn buôn bán trên sông biển được suôn sẻ, thuận lợi.

Riêng đối với người Việt, từ khi Nguyễn Hoàng đặt chân lên vùng Thuận Hóa, đã có rất nhiều người dân Bắc Trung Bộ theo họ Nguyễn vào Đàng Trong lập nghiệp. Chính họ là những cư dân đầu tiên đến đây và theo chân người, Phật giáo cũng được mang theo trong suốt hành trình mở cõi vào phương Nam của cha ông ta. Theo *Hải Ngoại ký sự* của Thích Đại Sán, khi ông đến Đàng Trong thì đa số cư dân Việt tại đây đều tin theo đạo Phật và thờ Phật, sức sống của Phật pháp lan tỏa “*Nay xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đàn*” [6, tr 46]. Điều đó chứng tỏ trước khi Thích Đại Sán đến đây, thì phần đông cư dân Việt ở Đàng Trong đã theo đạo Phật và mộ Phật, chùa chiền được xây dựng rất nhiều để tạo điều kiện cho cư dân lễ Phật. Cũng trong Hải ngoại ký sự thì khi Thích Đại Sán đến Đàng Trong đã được chúa Nguyễn Phúc Chu đón tiếp vô cùng nồng hậu “*Nay mong quốc vương triều đình, lão tăng từ phương xa đến được quốc vương cung kính thân như cốt nhục. Và lại, thần dân trong nước, đến quy y tam bảo thực là một quốc ưu muốn làm lành rất hiếm có*” [6, tr 44]. Đoạn tư liệu này đã minh chứng một sự thật là trong thời kỳ này, cư dân bản địa rất sùng bái và tin theo đạo Phật, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho Phật giáo du nhập và phát triển mạnh mẽ ở Đàng Trong, từng bước có vị trí, vai trò xứng đáng trong đời sống tâm linh xã hội.

2. Quá trình chuyển hóa đan xen của hai yếu tố Việt - Hoa trong Phật giáo Đàng Trong

Cư dân người Việt và người Hoa di cư và sinh sống tại Đàng Trong, theo thời gian đã có sự giao lưu tiếp xúc văn hóa. Trong điều kiện hoàn cảnh của vùng đất mới, những khó khăn của cuộc sống ban đầu đã tạo ra sự gắn kết, xích lại gần nhau giữa cộng đồng dân cư Việt - Hoa.

Hoạt động định cư, buôn bán, sinh hoạt tôn giáo trở thành cầu nối đưa đến sự giao lưu, tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Việt - Hoa.

Dòng thiên phái Trúc Lâm của Việt Nam và phái Tào Động, Lâm Tế đã chuyển hóa đan xen với nhau tạo ra sự phong hóa của Phật giáo Đàng Trong, chi phái mới Liễu Quán hình thành và phát triển trên cơ sở của sự hòa hợp các thiên phái này là một minh chứng tiêu biểu cho sự đan xen văn hóa thời kỳ đầu.

Thực tế cho thấy rằng, tín ngưỡng thờ Phật của người Hoa khi đến Đàng Trong “đã có sự chuyển hóa mạnh mẽ yếu tố Trung Hoa mang màu sắc dân tộc”. Biểu hiện của nó chính là sự hợp nhất tín ngưỡng truyền thống của người Hoa với Phật giáo chính thống của người Việt. Chẳng hạn, trong các ngôi chùa, nhất là chùa làng xuất hiện hiện tượng “phối thờ: Các chư Phật Bồ Tát bên cạnh thờ Thập Điện Diêm Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế có cả Nam Tào, Bắc Đẩu; Quan Thánh Đế Quân có Châu Thường theo hầu” [8, tr 267]. Trong nội bộ Phật giáo cũng không còn có sự thuần nhất tách biệt mà “kết hợp với Thiên Tông, Mật Tông... để có nghi thức biến hóa cho phù hợp với tâm thức truyền thống” [8, 267-268].

Quá trình cộng cư trải qua nhiều thế kỷ giữa người Việt và người Hoa đã hình thành trong tín ngưỡng của người Hoa nhiều hình thức giao lưu văn hóa, thể hiện sự thu nhận văn hóa bản địa và văn hóa nhập cư một cách tự nhiên và cởi mở. Chẳng hạn, trong kiến trúc xây dựng chùa chiền của người Hoa, sân thiên tinh của hầu hết các cơ sở chùa chiền đều được xây theo truyền thống Trung Hoa, đều đặt trước chính điện, trong khi sân thiên tinh được thiết kế phía sau chính điện là đặc trưng trong văn hóa Việt. Quá trình hội nhập giao lưu văn hóa Việt - Hoa đã đưa đến việc người Hoa xây dựng sân thiên tinh phía sau chính điện giống như người Việt. Đặc biệt, người Hoa còn có sự linh hội nhằm tạo ra sự hòa hợp giữa công trình kiến trúc và nghệ thuật trang trí. Điều này được thể hiện rõ nét trong trang trí chi tiết của chùa Chúc Thánh và

miếu Quan Công mang đậm phong vị kiến trúc Huế: “*Tượng thờ trong chùa Chúc Thánh và trong miếu Quan Công cũng như tượng thần Tài, thổ thần hầu hết làm từ đất, ngoài phủ sơn, trang trí chi tiết, rườm rà nhưng cố bắt chước tự nhiên. Đặc biệt ở đây được dán thêm những dải đất gọi lại cách trang trí và kỹ thuật thể hiện của tượng Khương Ninh Các ở Huế*” [3, tr 100]. Ngoài ra, người Hoa không chỉ tiếp thu kiến trúc của người Việt, họ còn tiếp thu cách gọi, cách đặt tên các công trình. Đó là sự Việt hóa các tên gọi như đình, chùa, miếu không còn theo nguyên bản trong tiếng Hán.

Bên cạnh đó, vị trí đặt bàn thờ Tổ và bàn thờ Phật trong các ngôi chùa Việt ở vùng Nam Bộ theo quy cách “tiền Phật, hậu Tổ” (phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ) trong cùng một gian, đã được áp dụng trong các ngôi chùa Phật giáo của người Hoa như chùa Giác Lâm (1744), chùa Bà Thiên Hậu (1760) ở đất Gia Định... Các pho tượng đặt thờ như Quan Thế Âm Bồ Tát của người Hoa cũng phảng phất đường nét nhân chủng của thiếu nữ Việt Nam với khuôn mặt trái xoan, mũi dọc dừa... Tu sĩ sống trong các ngôi chùa Hoa cũng có rất nhiều người Việt tham gia.

Người Hoa lấy vợ Việt đã trở nên phổ biến, như trường hợp của Mạc Cửu, hay con trai ông là Mạc Thiên Tứ đã làm cho mức độ giao lưu văn hóa Việt - Hoa trở nên đậm nét hơn, bởi vì trong những cộng đồng cư dân này đã có những thành viên mang hai dòng máu Việt - Hoa. Cộng đồng cư dân người Hoa sinh sống cận cư với người Việt ở phương Nam dần theo xu thế Việt hóa rõ nét. Chắc chắn rằng sức mạnh từ tính chất Phật giáo đó là sự tư bi hỉ xả, sống gần gũi và giúp đỡ lẫn nhau đã có tác động rất lớn đến sự giao lưu hòa nhập giữa cư dân người bản địa (Việt Nam) và cư dân ngoại lai (Trung Hoa) trong giai đoạn này.

3. Sự hình thành đặc điểm của Phật giáo Đàng Trong trên cơ sở tiếp xúc văn hóa Việt - Hoa

Thứ nhất, trên cơ sở tiếp xúc văn hóa Việt - Hoa, Phật giáo đã có sự phát triển mạnh mẽ,

dần đạt được vai trò, vị thế quan trọng ở Đàng Trong. Quá trình phát sinh, phát triển của Phật giáo Đàng Trong có một sắc thái riêng, tạo nên “phong hóa” tôn giáo mà các Chúa Nguyễn đã dày công hộ trì và xây dựng. Cư dân người Hoa, lẫn người Việt đã có công lao rất lớn tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển xứng đáng với vai trò là chỗ dựa tinh thần cho nhân dân tại vùng đất mới. Sự du nhập và phát triển của Phật giáo Đàng Trong gắn liền với tên tuổi của các vị Chúa Nguyễn, chính họ là những người tiên phong, nhiệt thành hướng Phật, là những phật tử chân thành nhất.

Thứ hai, quá trình du nhập Phật giáo Đàng Trong luôn bị chi phối bởi chính sách nhất quán của các Chúa Nguyễn và công cuộc truyền bá đạo Phật của các tăng sư người Việt và người Hoa. Những vị thiền sư người Việt và người Hoa đã có sự giao lưu, học hỏi phật pháp với nhau, chính điều đó đã cho ra đời chi phái Liễu Quán - một chi phái mới trên cơ sở của sự hòa hợp Tông phái Tào Động, Lâm Tế (của Trung Quốc) và Thiền phái Trúc Lâm (của Việt Nam). Điều đó chứng tỏ Phật giáo Đàng Trong trong điều kiện mới, với sự đan xen văn hóa Việt - Hoa đã tạo nên nét riêng biệt. Ở đây, Phật giáo đã hòa quyện vào tín ngưỡng dân gian Việt Nam để biến thành một tôn giáo của nhân dân, của tất cả cộng đồng cư dân không phân biệt nguồn gốc, xuất xứ cũng như dân tộc. Và ngược lại, chính Phật giáo là cầu nối tâm linh đặc biệt giúp cho sự hòa hợp, hòa quyện văn hóa được diễn tiến một cách vô cùng thuận lợi, từ đó phát huy được tính “tư bi hỉ xả” bao dung rộng lượng trong chính sách đối xử với người Hoa của các Chúa Nguyễn về lâu dài.

Thứ ba, trên cơ sở tiếp xúc văn hóa Việt - Hoa, Phật giáo Đàng Trong đã tồn tại và phát triển sâu rộng trong đời sống người dân. Các kiến trúc, chùa chiền Phật giáo đều mang dấu ấn của cả hai nền văn hóa Hoa - Việt, nếu không tinh tế sẽ không nhận ra được đâu là văn hóa bản địa, đâu là văn hóa ngoại lai. Phật giáo trở thành nét tâm linh cao đẹp đi cùng với quá trình mở

cõi phương Nam của cha ông ta, nếu không có sự hòa hợp Phật giáo, nếu không có chính sách tốt đẹp đối với Phật giáo của các Chúa Nguyễn chắc chắn sẽ không có sự thuận lợi khi các nhóm người Hoa di dân vào Đàng Trong sinh sống, lập nghiệp. Có thể khẳng định, Phật giáo đã góp phần rất lớn vào quá trình hình thành chính sách của các Chúa Nguyễn đối với người Hoa, ngược lại người Hoa đã có công góp phần vào công cuộc mở cõi về phương Nam của cha ông ta.

Như vậy, có thể thấy, hội nhập, giao lưu văn hoá giữa tộc người Hoa với người Việt, là những cộng đồng cư dân sinh sống cận cư ở

Đàng Trong đã đưa đến một xu thế tất yếu, xu hướng hội nhập cộng đồng một cách hoà bình. Kết quả là văn hoá của người Hoa dần theo xu thế Việt hoá rõ nét. Tuy nhiên, do quá trình hội nhập mang tính cách hoà bình, không cưỡng bức, nên những nét riêng có, đặc thù, mang tính đặc trưng tộc người của người Hoa vẫn được lưu giữ. Điều này đã làm cho văn hoá người Hoa sau nhiều thế kỷ hội nhập vẫn còn giữ được nét độc đáo riêng có của mình, góp vào khu vườn văn hoá của dân tộc Việt Nam nhiều hương sắc, phong phú và đa dạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn (1995), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, quyển 8, NXB Khoa học Xã hội, HN.
- [2] Phạm Đức Dương, Châu Thị Hải (chủ biên, 1998), *Bước đầu tìm hiểu sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt-Hoa trong lịch sử*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quốc Hùng (2004), *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng.
- [4] Trần Hồng Liên (2005), *Văn hoá người Hoa ở Nam bộ: Tín ngưỡng & Tôn giáo*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Amer Ramses (1991) *The Ethnic Chinese in Vietnam and Sino - Vietnamese Relation*, Forum, Kualalumpur.
- [6] Thích Đại Sán (1961), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế & Ủy ban Sử liệu Việt Nam.
- [7] Nguyễn Văn Sanh (chủ biên, 2006). *Văn hóa nghệ thuật người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh*, Trung tâm Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Nguyễn Phước Tương (2001), *Hội An di sản thế giới*, Nxb Văn nghệ, TP.HCM.